

---300082---

---300082---

Số: 05/2026/TB-HSBM

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 08 năm 2026

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

SỞ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK
ĐẾN **Số 30842**
Ngày 11 -08- 2026
Chuyển: Kính gửi:
Số và ký hiệu HS:

**BẢNG TỰ CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU
KIẾN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Thời điểm công khai, ngày 06 tháng 08 năm 2026)

Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi
công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện
hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan
đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện công văn số 5880/SXD-QLCLCT ngày 21/7/2026 của Sở Xây dựng Đắk Lắk
về việc triển khai thực hiện một số nội dung về hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây
dựng.

Công ty CP tư vấn xây dựng Hoàng Sơn Ban Mê công bố thông tin về năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với một số nội dung như sau:

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH
XÂY DỰNG:**

1. Tên tổ chức: Công ty CP tư vấn xây dựng Hoàng Sơn Ban Mê
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6001380700, cấp lần đầu ngày 11 tháng
03 năm 2013, cấp lần 5 ngày 16 tháng 04 năm 2026, do sở Tài Chính tỉnh Đắk Lắk cấp.
3. Số điện thoại liên hệ cố định: 0262 3887879
4. Địa chỉ hòm thư điện tử (email): Email: minhthao2503@gmail.com
5. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Công ty CP tư vấn
xây dựng Hoàng Sơn Ban Mê.
6. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ dân phố 8A, Phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk
8. Website công bố thông tin năng lực của tổ chức: <https://hoangsonbanme.com>

**II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH
XÂY DỰNG:**

Bảng số 01

STT	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm
1	2	3	4	5
	Xi măng			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023	Sàng 0,09 mm, Cân kỹ thuật 0,01g, tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoá, thùng đóng	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
2.	Xác định giới hạn bền uốn	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo	Phạm Minh Thảo,

	và nén		mẫu, máy thử độ cường độ, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén, cân kỹ thuật chính xác 1g, đồng hồ bấm giây	Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng luộc mẫu, khuôn Lơ Satolie.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
	Cốt liệu cho bê tông và vữa			
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	- Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn - Máy lắc sàng - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110 °C.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
5.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
6.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%; - Cân thủy tinh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
7.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	- Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; - tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110°C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhãn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
8.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006 TCVN 10321: 2014	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
9.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
10.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; - Bếp cách thủy; - Sàng có kích thước lỗ 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; tananah dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn

11.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 TCVN 10324:2014	- Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
12.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN; xi lanh bằng thép, có đáy rời cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; bộ sàng tiêu chuẩn theo tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; thùng ngâm mẫu.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
13.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	- Máy Los Angeles, - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; - Bộ sàng, 1,7 mm; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
14.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%; - Thước kẹp cài tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn theo - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
15.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:06 - Kim sắt, kim nhôm - Búa con	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
16.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
17.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại dài 80cm chính xác tới 0,5cm.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
18.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200°C.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
19.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993	-Cân kỹ thuật 50kg, - Bộ sàng cát 5; 1,2mm; 0,15mm - Tủ sấy 200oC - Khay sấy, bay, xềng để xúc hỗn hợp bê tông	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
20.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200°C, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hỏa, cồn 90°.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
21.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200°C, - Khăn lau mẫu	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn

22.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200°C	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
23.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022 TCVN 12252:2020 TCVN 10303:2025	- Máy nén - Thước đo, thước góc - Đồng hồ đo thời gian	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
24.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	- Máy nén - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
25.	Xác định cường độ chịu kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022	- Máy nén - Bộ gá ép chẻ mẫu bê tông hình trụ, - Gối truyền tải, đệm gỗ	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
26.	Thiết kế thành phần bê tông nặng	778/98 BXD TCVN 10306:2014	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Máy nén - Bộ khuôn	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
	Vữa xây dựng			
27.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022,	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; - Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; - Cân thủy tĩnh.	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
28.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu - Mảnh vải cotton, - Tấm kính - Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN - Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
29.	Thiết kế thành phần cấp phối vữa	TCVN 4459: 1987	- Máy trộn, máy đầm dung, khuôn đúc, thùng bảo dưỡng	Phạm Minh Thảo, Võ Văn Hạnh, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
	Gạch			
30.	Gạch bê tông cốt liệu: Kiểm tra kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016	- Máy thử nén - Tủ sấy tới 200°C, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thùng ngâm mẫu - Thước kẹp (0.01mm), cân kỹ thuật (0.1g), tủ sấy	Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thanh Tuấn
31.	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; độ hút nước; tải trọng uốn gãy toàn viên và độ cứng lớp mặt, độ bền nén	TCVN 6065: 1995	- Máy thử nén + phụ kiện thử uốn, thước đo có độ chính xác tới 1mm - Tủ sấy tới 200°C, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thùng ngâm mẫu	Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thanh Tuấn
32.	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước	TCVN 7744:2013	- Máy thử nén + phụ kiện thử uốn, thước đo có độ chính xác tới 1mm - Tủ sấy tới 200°C, cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, thùng ngâm mẫu	Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thanh Tuấn

33.	Gạch đất sét nung: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; khối lượng riêng, xác định độ rỗng; xác định vết nứt do vôi	TCVN 6355:2009	- Thước kim loại (1mm), thước kẹp 0,1 mm. - Máy cưa, máy ép thủy lực 30 ÷ 60 tấn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chày. - Máy thử uốn, thước kim loại (1mm), các miếng kính, bay, chày. - Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu. - Búa con, cối chày sứ, sàng 0,2mm hoặc 900 lỗ/cm², tủ sấy 200⁰C (không chế được nhiệt độ), bình hút ẩm, thìa con, cân kỹ thuật (500g -0,01g), thước lá kim loại (1mm) bình cổ cao, dầu hỏa.	Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thanh Tuấn
34.	Ngói: Xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, khối lượng một mét vuông ngói bảo hòa nước	TCVN 4313: 2023	- Thiết bị thử uốn, đồng hồ đo lực chính xác đến 1N. - Tủ sấy có khả năng điều chỉnh nhiệt độ; cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 gam; thùng ngâm mẫu.	Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thanh Tuấn
Kim loại và mối hàn				
35.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 TCVN 314: 2008	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp (5%mm), Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
36.	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
37.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Nguyễn Thanh Tuấn
Đất				
38.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	- Dầu hỏa, - Bơm chân không (có cả bình hút chân không), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bình tỷ trọng (100cm³), - Cối chày sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bép cát, - Tủ sấy (t⁰), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
39.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Tủ sấy (t⁰) đến 300⁰C, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Khay men phơi đất - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cân phân tích (0,001g), - Rây 0,5mm, - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰).	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
40.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 TCVN 14134-4:2024	- Các tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t⁰),	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên

			- Bát sắt tráng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande	
41.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 TCVN 14134-3:2024	- Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm³, ϕ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5°C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm³ và 50cm³), - Thước thẳng 20cm.	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
42.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	- Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang, - Quả cân (0,1.10³N/m²....1.10⁵ N/ m²)	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
43.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	- Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gạt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy (t^0), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Đồng hồ đo biến dạng (vạch 0,01mm. - Quả cân	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
44.	Xác định đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020 TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006	- Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gạt đất, - Vò đập đất, - Khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
45.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	- Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật (0,01 và 0,1g), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
46.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020	- Máy nén CBR, - Cối đầm loại to (D=152,4 mm), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến, - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở, - Giá đỡ thiên phân kế,	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
47.	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012	- Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga,

			- Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước	Lê Khắc Duyên
48.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012	Lò nung 1200oC, tủ sấy, cân	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
49.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	- Bàn để, - Mâm tròn, - Cọc bằng thép, được gắn thẳng đứng tại tâm mâm, đường kính từ 3 mm đến 5 mm có khắc vạch chia đều mm, - Thùng chứa nước, - Sàng lỗ 2 mm và 5 mm, các khay đựng đất, chày gỗ, cối và chày sứ đầu bọc cao su, nước sạch đã khử khoáng, muối xúc đất, êke...	Phạm Minh Thảo, Võ Thị Tuyết Nga, Lê Khắc Duyên
	Nhựa bitum			
50.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), - Bình chứa cốc mẫu (≥Φ 90, cao ≥55mm), - Chậu đựng nước (15l), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Thiết bị điều hòa nhiệt độ	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
51.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	- Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50 ⁰ C (0,1 ⁰ C), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hòa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gọt nhựa	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
52.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05	- Khuôn tròn có đk trong Φ 15.9 ± 3mm cao 6.4 ± 4mm để chứa nhựa đường, - Bi thép (Φ 9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, -Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh có dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa 193 ⁰ C÷ 204 ⁰ C. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
53.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:11	- Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế (400 ⁰ C, chia 0,5 ⁰ C), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
54.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 ⁰ C trong 5h	TCVN 7499:2005	- Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300oC, hộp nhôm, tủ sấy 300oC..	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
55.	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005	- Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
56.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
57.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
	Bê tông nhựa			
58.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	- Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đầm tạo	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng,

			mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.	Võ Thị Tuyết Nga
59.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	- Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung, bình hút ẩm, C2HCl3, (NH4)2CO3 và các dụng cụ khác	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
60.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	- Bộ sàng, cân chính xác 0,1%, tủ sấy.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
61.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	- Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1°C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
62.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	- Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1°C.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
63.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	- Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175°C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
64.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	- Ống đong bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
65.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
66.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
67.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
68.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
69.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
70.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	- Phương pháp tính toán	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
71.	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011	- Máy nén	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
	Bột khoáng cho bê tông nhựa			
72.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735: 2012	- Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
73.	Xác định thành phần hạt	TCVN 1284-2: 2020	- Bộ rây tiêu chuẩn, cân ký thuật, tủ sấy	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
74.	Xác định độ ẩm	TCVN 1284-2: 2020	- Cân ký thuật, tủ sấy, khay, bình hút ẩm	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga
75.	Xác định chỉ số dẻo	TCVN 1497: 2012	- Tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t ⁰), - Bát sắt tráng men, - Dao để trộn	Phạm Minh Thảo, Đặng Xuân Thắng, Võ Thị Tuyết Nga

STT	Tên máy móc, thiết bị thí nghiệm	Hãng sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn/kiểm định (Số quyết định, ngày tháng ban hành, đơn vị thực hiện, thời hạn)
A	THÍ NGHIỆM XI MĂNG		
1	SÀNG ĐỘ MỊN XI MĂNG Trung Quốc. Sàng đường kính 200mm x cao 50mm, khung và lưới bằng thép, lỗ vuông, lỗ mở (mm): 0.045mm	Trung quốc	
2	BÌNH LE CHATELIER TQ. Bình ti trọng Le Chatelier, dùng xác định tỉ trọng của cement. Dung tích 250ml.	Trung quốc	
3	BỘ VICAT (ĐỘ DẸO / ĐÔNG KẾT) model Vicat Trung Quốc. Bộ Vicat thử thời gian đông kết và độ kết dính của vữa cement, xác định lượng nước cần thiết tạo vữa xi măng có độ kết dính như tiêu chuẩn. Khối lượng phần trượt 300g. Khoảng cách rơi 70mm. Cung cấp nguyên bộ với khuôn, kim lớn và kim nhỏ.	Trung quốc	
4	Cát tiêu chuẩn. Giá/gói 1.350g VN.	Việt Nam	
5	KHUÔN LE CHATELIER model LJ-175 Trung Quốc. Khuôn Le Chatelier thử độ vững chắc xi măng (soundness). Dẫn nở tối đa với gia tải 300g <17,5±2,5mm	Trung quốc	
6	KHUÔN XI MĂNG 40X40X160MM Trung Quốc. Khuôn đúc mẫu cement. Kích thước mẫu 40 x 40 x 160mm x 3. Khuôn chuẩn theo phương pháp ISO.	Trung quốc	
7	GÁ THỬ NÉN XI MĂNG Việt Nam. Gá thử nén xi măng. Dùng để gắn mẫu xi măng tiêu chuẩn vào máy nén để xác định cường độ nén của xi măng. Bộ gá phù hợp phương pháp thử ISO. Kích thước tấm nén trên và dưới: 40mm. Khoảng cách hai tấm nén: >45mm.	Việt Nam	
8	BÀN DẪN KHUÔN CÓN QUAY TAY VN. Bàn dẫn vữa xi măng quay tay, chiều cao rơi 10mm, mặt bàn Ø300mm. Kèm khâu. VN (theo tiêu chuẩn mới TCVN 3121-3:2003.)	Việt Nam	
B	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG		
9	THỬ ĐỘ SỤT BÊ TÔNG VN. Bộ đo độ sụt bê tông, Dùng để xác định tính ổn định độ công tác vừa và cao của bê tông tươi. Bộ bao gồm côn đường kính 100 và 200mm x cao 300mm, tấm đế, thanh sụt Ø16 x 600mm, thước thép và giá xúc.	Việt Nam	
10	KHUÔN HÌNH KHỐI 15CM VN. Khuôn đúc mẫu bê tông hình khối, kích thước (mm): 150 x 150 x 150, 3 mẫu/khuôn, bằng thép dày 6, 8	Việt Nam	
11	Ổng đong thủy tinh 100ml, TQ	Việt Nam	
12	Ổng đong thủy tinh 250ml, TQ	Việt Nam	
13	Ổng đong thủy tinh 1000ml TQ	Việt Nam	
14	Khay inox 350 x 250 x 50mm, Việt Nam	Việt Nam	
C	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT, ĐÁ)		
15	NaOH kỹ thuật, đơn giá/ 1kg. TQ	Trung quốc	
16	CÓN THỬ ĐỘ SỤT CỦA CỐT LIỆU Đường kính nhỏ 40mm, đường kính lớn 90mm, cao 75mm dày 1mm. Bề mặt thép không rỉ. (theo tiêu chuẩn mới TCVN 7572-4: 2006)	Trung quốc	
17	THÙNG ĐO THỂ TÍCH 1L VN. Thùng đong, dung tích 1 lít, kích thước lòng Ø108,3 x H108,6mm, bằng thép dày 3-4mm.	Việt Nam	
18	THÙNG ĐONG 2L VN. Thùng đong, dung tích 2 lít, kích thước lòng Ø137 x	Việt Nam	



	H136mm, bằng thép dày 3-4mm.		
19	THÙNG ĐO THỂ TÍCH 10L VN. Thùng đóng, dung tích 10 lít, kích thước lòng $\phi 233 \times H234.7\text{mm}$, bằng thép dày 3-4mm.	Việt Nam	
20	PHEU ĐO THỂ TÍCH XÓP DÙNG CHO ĐÁ VN. Pheo rót vật liệu. Dùng để đo khối lượng thể tích khối của đá. Dụng cụ bao gồm pheo bằng thép có cửa rút và chân đỡ bằng thép dày. Thùng đo thể tích phải mua riêng.	Việt Nam	
21	BÌNH RỬA CÁT VN. Bình rửa cát, bằng thép dày 3mm, $\phi 120 \times 320\text{mm}$, hai vòi xả cao 100mm, một vòi tràn cao 300mm	Việt Nam	
22	THÙNG RỬA ĐÁ VN. Bình rửa đá, bằng thép dày 2mm, $\phi 250 \times 350\text{mm}$, hai vòi xả cao 130mm, một vòi tràn cao 330mm	Việt Nam	
23	Cối chày inox, $\phi 120\text{mm}$, TQ	Việt Nam	
24	Bảng so màu tạp chất hữu cơ. VN	Việt Nam	
25	MÁY THỬ ĐỘ MÀI MÒN LOS ANGELES Xuất xứ: Việt Nam. Model: T10.001 - Bộ phận hiển thị điện tử, có thể cài đặt số vòng quay tùy ý. - Thiết bị kèm 12 bi thép D48, khay hứng mẫu - Tốc độ vòng quay: 30 - 33 vòng/phút - Nguồn: 220-240V, 50-60Hz, 1 pha - Kích thước: 1000 x 730 x 1200 mm - Khối lượng: 300kg	Việt Nam	
26	NÉN DẬP ĐÁ $\phi 75\text{mm}$ VN. Khuôn nén dập đá dăm, $\phi 75\text{mm}$, bao gồm khuôn trụ thép, piston nén và tấm đế. Làm bằng thép dày.	Việt Nam	
27	NÉN DẬP ĐÁ $\phi 150\text{mm}$ VN. Khuôn nén dập đá dăm, $\phi 150\text{mm}$, bao gồm khuôn trụ thép, piston nén và tấm đế. Làm bằng thép dày.	Việt Nam	
28	BỘ SÀNG THÀNH PHẦN HẠT Trung Quốc. Sàng đường kính 300mm x cao 50mm, khung và lưới bằng thép, lỗ vuông, lỗ mở (mm):	Trung quốc	
D	THÍ NGHIỆM THÉP		
29	MÁY THỬ ĐA NĂNG 1000KN model WE-1000B Jinshi-Trung Quốc Máy thử vạn năng dùng thủy lực. Khả năng tải lớn nhất: 1000kN. Độ chính xác: $\pm 1\%$. Ba thang: 200KN/0.5KN 500/1KN 1000kN/2KN. Các chỉ thị hướng dẫn trên máy bằng tiếng anh dễ sử dụng. Điều khiển hàm bằng thủy lực Khoảng cách thử kéo max: 620mm Độ dày mẫu dẹt: 0-40mm Đường kính mẫu tròn: 14-45mm Bề rộng bàn thử uốn: 100-500mm Khoảng cách giữa hai trụ: 600mm Hành trình piston: 150mm Nguồn điện: 220V, 1 pha, 50Hz, 2100W Thân máy chính: L980 x W650 x H2220mm Bộ điều khiển: L1050 x W770 x H1780mm Máy cung cấp gồm đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn của hãng sản xuất	Trung quốc	Số/N-0:APB.26.002-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027
E	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG		
30	CÂN ĐIỆN TỬ CHÍNH XÁC (DÙNG CÂN THỦY TĨNH) model HZY-B2000 Huazhi-USA. Cân chính xác, loại điện tử Khả năng cân 2000g, Độ đọc được 0.01g	Hoa Kỳ	Số/N-0:APB.26.010-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn:

	Nhiều đơn vị cân để lựa chọn: g, ct, lb, oz, chức năng đếm hạt Khả năng cân bên dưới để xác định tỉ trọng Đĩa cân bằng thép không gỉ Cung cấp gồm: cân, 230V AC adapter và hướng dẫn sử dụng. <i>Made in China</i>		10/03/2027
31	Bình tỉ trọng dùng cho đất 100ml, với ống mao quản, VN	Việt Nam	
32	Cối chày sứ $\phi 140\text{mm}$, TQ	Việt Nam	
33	Hộp nhôm đựng mẫu $\phi 50 \times 35\text{mm}$, có nắp, VN	Việt Nam	
34	BÌNH HÚT ẨM Trung Quốc. Bình hút ẩm, đường kính 300mm với tấm sứ đặt mẫu, chiều cao đặt mẫu 150mm, dung tích hữu ích >10 lít.	Trung Quốc	
35	Hóa chất hút ẩm silicagel, 1kg, TQ	Trung Quốc	
36	Chày cao su, VN	Việt Nam	
37	Bình tia phun nước, 500ml, TQ	Trung Quốc	
38	GIỚI HẠN CHÁY model ZY-1 TQ. Dụng cụ xác định giới hạn chảy bằng chùy Vaxiliep, góc cone 30°, nặng 76g	Trung Quốc	
39	Tấm kính nhám 300 x 250 x 10mm xác định giới hạn dẻo của đất. Việt Nam	Việt Nam	
40	TỶ TRỌNG KẾ Alla- Pháp. Tỷ trọng kế đo đất thang 0.995 - 1.038 Alla- Pháp. Tỷ trọng kế đo đất thang 0.0 – 60.0	Alla- Pháp	
41	Đồng hồ bấm giây điện tử Q&Q Nhật. Chính xác 0,01 giây.	Nhật bản	
42	Bình tam giác 1000 ml, TQ	Trung Quốc	
43	NHIỆT KẾ THUY NGÂN Trung Quốc. 0 - +110°C	Trung Quốc	
44	MÁY THỦ CẮT ĐẤT model ZJ-(3) Trung Quốc. Máy cắt đất hai tốc độ. Tốc độ cắt bằng điện 0.8 hay 2.4mm/phút hoặc bằng tay. Sử dụng loại mẫu diện tích 30cm ² . Lực nén pháp tuyến 50, 100, 200, 300 và 400kPa. Cung cấp nguyên bộ với hộp mẫu nén, bộ quả gia tải và vòng lực 1.2kN với bảng hiệu chuẩn. Nguồn điện 220V, 50Hz.	Trung Quốc	Số/N-0: APB.26.005-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027
45	MÁY NÉN ĐẤT model WG-1B Trung Quốc. Máy nén cố kết tam liên. Máy dùng thử nén đất, xác định mối liên hệ giữa biến dạng và nén của đất, để tính toán độ lún, chỉ số nén chỉ số đàn hồi cũng như hệ số cố kết. Áp lực nén đến 12.5 - 1600KPa. Hộp mẫu nén 30cm ³ hoặc 50cm ³ . Cung cấp nguyên bộ với hộp mẫu nén, quả gia tải và đồng hồ so.	Trung Quốc	Số/N-0: APB.26.011; Số/N-0: APB.26.005-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027 Số: 3992E.26.ĐLMT; 3994E.26.ĐLMT; 3993E.26.ĐLMT; -Ngày 08/08/2026-Đơn vị: Công ty CP dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền TRung-Thời hạn: 06/08/2027
46	CỐI CHÀY PROCTOR TIÊU CHUẨN VN. Bộ cối chày proctor tiêu chuẩn, bao gồm: Cối Proctor tiêu chuẩn đường kính 4", thể tích 1/30 cu.ft. Gồm : khuôn + cổ + tấm đế Chày Proctor tiêu chuẩn đường kính 2", nặng 5.5lb, chiều cao rơi 12".	Việt Nam	
47	CỐI CHÀY PROCTOR CẢI TIẾN VN. Bộ cối chày Proctor cải tiến, bao gồm: Cối Proctor cải tiến đường kính 6", thể tích 1/13.33 cu.ft. Gồm : khuôn + cổ + tấm đế Chày Proctor cải tiến đường kính 2", nặng 10lb, chiều cao rơi 18".	Việt Nam	
48	DAO VÒNG 100CM ³ + ĐẾ ĐÓNG	Việt Nam	

	VN. Dao vòng bằng thép không rỉ, dung tích 100cc (φ50,4 x 50mm)		
49	BỘ KHUÔN CBR Việt Nam. Bộ phụ kiện CBR. Bao gồm: khuôn CBR, đĩa phòng, giá đỡ đồng hồ, đồng hồ so 10/0,01mm và các tấm gia tải.	Việt Nam	
	Đĩa nén (spacer disc) đường kính 151mm, nặng 7,25kg với tay xách. Việt Nam	Việt Nam	
50	BỘ THÍ NGHIỆM THẨM ĐẤT-CÁT Xuất xứ: Việt Nam Bao gồm 3 Hộp thẩm đất TST-55 bảng cột nước với 3 ống áp kế thủy tinh gắn thước 1000mm Hệ thống van chia Ống dẫn và bình nước	Việt Nam	
F	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
51	MÁY KHOAN LẤY MẪU ĐỘNG CƠ XĂNG Động cơ HONDA 5,5HP Thiết kế hiện đại kiểu dáng Châu Âu thích hợp khoan lấy mẫu bê tông xi măng, bê tông nhựa tự hành, động cơ chạy xăng 4 kỳ. Tốc độ 800...1200 v/p, chiều sâu khoan 400mm, mũi khoan tối đa 150mm. Mạnh mẽ, kích thước gọn nhẹ, tiện lợi để sử dụng gọn nhẹ thích hợp đi công trình. Việt Nam	Việt Nam	
52	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG Doo Hyeon -Hàn Quốc Mũi khoan kim cương đường kính φ100mm (4"), dài ≥355mm Thích hợp khoan bê tông cứng vừa đến cao và khoan gạch.	Hàn Quốc	
53	MŨI KHOAN KIM CƯƠNG Doo Hyeon -Hàn Quốc Mũi khoan kim cương. Đường kính φ75mm (3"), dài ≥355mm Thích hợp khoan bê tông cứng vừa đến cao và khoan gạch.	Hàn Quốc	
54	CÂN BENKELMAN VN. Cân Benkelman được chế tạo bởi Bộ môn Cầu đường Đại học Bách khoa. Cân bằng nhôm tốt. Cung cấp với đủ phụ kiện như sau : đồng hồ so 10mm/0.01mm, kích thủy lực 20 tấn (TQ) có gắn áp kế, tấm ép cứng φ330mm, ống đệm φ168mm x H400mm, ống đệm φ168mm x H130mm và khớp cầu gắn trên kích thủy lực.	Việt Nam	Số/N-0:APB.26.008-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027
55	XÁC ĐỊNH ĐỘ BẰNG PHẪNG model ZSC-1 Trung Quốc. Thước thẳng đo độ bằng phẳng của nền đường. Độ cao thước 950mm. Có bộ phận điều chỉnh độ thẳng của mặt thước tại điểm gấp Chiều dài tổng cộng : 3000mm Điểm gấp: 1,5m Độ chính xác: sai số <2mm trên bề mặt dài 3m. Thang đo: 0 - 20mm. Nặng 3kg.	1 Trung Quốc	
56	PHẪU RÓT CÁT model GRY-2 Trung Quốc. Xác định thể tích khối bằng phương pháp cone cát. Dùng xác định độ chặt của đất hạt, đá sỏi hiện trường. Bao gồm bình đựng cát, phễu có van và tấm để	Trung Quốc	
57	CÂN ĐIỆN TỬ 20KG Model HZQ-B20000 Huazhi-USA. Cân điện tử, thích hợp cân khối lượng và đếm hạt dùng trong công nghiệp. Khả năng cân 20kg, độ đọc được 1g Ứng dụng: cân, đếm hạt, kiểm tra khối lượng Màn hình LCD. Đĩa cân bằng thép không rỉ, kích thước đĩa cân 220/310mm. Made in China	Huazhi-USA	
58	Giá xúc, bằng nhôm, 500ml. Việt Nam	Việt Nam	
59	Búa thép, 1000g, VN	Việt Nam	
60	BỘ DỤNG CỤ XÁC ĐỊNH ĐỘ NHÁM MẶT ĐƯỜNG	Việt Nam	

	BẢNG PP RẮC CẮT Việt Nam. Bao gồm ống đong bằng kim loại 25cm ³ , bàn xoa, chổi mềm, thước lá 50cm.		
G	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
61	GIỎ CÂN THỦY TĨNH VN. Giỏ lưới đường kính 120 x cao 150, cỡ lỗ ≤3.35mm.	Việt Nam	
62	BÌNH KHỐI LƯỢNG RIÊNG VN. Bình khối lượng riêng, 250ml, nhám 29/32, ống mao quản.	Việt Nam	
63	BƠM HÚT CHÂN KHÔNG model VE-125 Trung Quốc. Bơm hút chân không lưu tốc 60 lít/phút. Nguồn điện 230V, 50Hz. Cung cấp bao gồm: Bộ dây, đồng hồ.	Trung Quốc	
64	BÌNH TẠO CHÂN KHÔNG Trung Quốc. Bình tạo chân không bằng thủy tinh, đường kính 300mm với van hút chân không, chiều cao đặt mẫu 150mm, dung tích hữu ích >10 lít.	Trung Quốc	
65	Pipette 5ml/0.05ml, TQ	Trung Quốc	
66	Pipette 10ml/0.1ml, TQ	Trung Quốc	
67	Pipette 25ml/0.1ml, TQ	Trung Quốc	
68	BỘ ĐÁM NÉN MẪU MARSHALL BẰNG TAY VN. Dùng để đầm mẫu Marshall bằng tay trong khuôn có đường kính 101.6mm. Chày đầm: 4536 g ± 9g. chiều cao rơi 457.2 ±2.5mm	Việt Nam	
69	KHUÔN MARSHALL VN. Khuôn mẫu Marshall. Bao gồm thân khuôn, tấm đế và cổ rót. Đường kính trong 4" (101,6mm)	Việt Nam	
70	BỂ ĐIỀU NHIỆT Model HHW-2 Trung Quốc. Bể ổn nhiệt, dùng để giữ nhiệt ổn định cho mẫu thí nghiệm như thí nghiệm kim lún nhựa, dẫn dài nhựa, Marshall và thí nghiệm khác. Thang nhiệt độ: môi trường đến 100°C. Độ chính xác nhiệt độ ≤±1°C. Kích thước lòng 460 x 240 x 230mm. Nguồn điện 220V, 50Hz, 1000W. Kích thước ngoài (mm): L720 x W320 x H420mm. Trọng lượng: 18kg.	Trung Quốc	
71	MÁY NÉN CBR/MARSHALL model LQ-100 T.Quốc. Khung máy nén CBR / Marshall, khả năng tải đến 100kN. Thích hợp để thực hiện thí nghiệm CBR và Marshall. Máy có hai tốc độ cố định, dễ dàng chọn lựa bằng bánh răng: 1.27mm/phút cho thí nghiệm CBR và 50mm/phút cho thí nghiệm Marshall. Hành trình piston: 200mm.. Nguồn điện 220V, 1ph, 50Hz, 550W. Trọng lượng: 200kg. <i>Cung cấp bao gồm phụ kiện thí nghiệm CBR/MARSHALL</i>	Trung Quốc	Số/N-0: APB.26.003/APB.26.004- Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam- Thời hạn: 10/03/2027
72	MÁY LI TÂM CHIẾT NHỰA model LLC-15 Trung Quốc. Máy li tâm chiết nhựa, dùng xác định hàm lượng nhựa trong hỗn hợp bê tông nhựa nền đường. Bồn li tâm: 1500ml. Tốc độ quay: 3000 vòng/phút. Nguồn điện 220V, 50Hz, nặng 50kg.	Trung Quốc	
73	GIẤY LỌC Italy. Giấy lọc cho máy li tâm 1500g, 100 tờ.	Italy	
74	Lò nung 1000C Model: SX2-2.5-10 Xuất xứ: Trung Quốc Lò nung kiểu dạng hộp, dùng điện trở Dùng nung vật liệu ở nhiệt độ cao, được cài đặt trước. Nhiệt độ nung tối đa: 1000C Nguồn điện: 220 V - 50Hz Công suất: 2.5KW	Trung Quốc	

	Kích thước buồng nung: 80x120x200mm Kích thước tổng thể: 430x540x600mm		
H	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG		
75	BỘ KIM LÚN NHỰA ĐƯỜNG Model LZY-50 Trung Quốc. Bộ kim lún nhựa đường, dùng thí nghiệm độ kết dính của nhựa đường (asphalt) và các vật liệu mềm khác bằng cách đo độ lún của kim xuyên tại nhiệt độ và thời gian xác định Độ lún : 0-50mm, tải lún : 100g, thời gian lún : 5s Nguồn điện 220V, 50Hz	Trung Quốc	Số/N-0:APB.26.014-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027
76	NHIỆT ĐỘ HÓA MỀM model LRH-1 Trung Quốc. Bộ xác định nhiệt độ hóa mềm của nhựa. Khối lượng bi thép : 3,5g. Đường kính bi $\phi 9,53$ mm. Cốc thủy tinh : 800-1000ml. Nhiệt độ đo 30-180°C. Sai số nhiệt độ $\pm 0,5^\circ\text{C}$.	Trung Quốc	
77	MÁY KHUẤY TỪ GIA NHIỆT model 85-2 Trung Quốc. Máy khuấy từ - gia nhiệt. Dung tích khuấy 20-3000ml. Tốc độ khuấy 0-1200 vòng/phút. Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm xoay. Nguồn điện 220V, 50Hz	Trung Quốc	
78	NHIỆT ĐỘ BẮT LỬA model SYD-3536 Trung Quốc. Thiết bị thử nghiệm chớp cháy và điểm bắt lửa Cleveland. Tự động đánh lửa. Điều chỉnh nhiệt độ liên tục. Nguồn điện 220V, 50Hz, 400W. <i>Cần mua bình gas để sử dụng.</i>	Trung Quốc	
79	TỦ SẤY TỖN THẤT NHỰA TQ/VN. Tủ sấy quay màng mỏng, dùng xác định độ tổn thất do nhiệt. Điều khiển nhệt độ bằng điện tử, chỉ thị số. Mâm mẫu quay với tốc độ 5-6 vòng/phút. Kích thước 450 x 450 x 350mm. Nguồn điện 220V, 50Hz (vừa là tủ sấy thông thường 300 độ vừa sử dụng xác định tổn thất nhựa) <u>Cung cấp bao gồm:</u> - Tủ sấy - Motor quay với tốc độ 5-6 vòng/ phút - Để đặt mẫu với thanh nổi	Trung Quốc	
80	THIẾT BỊ GIẼN DÀI NHỰA Xuất xứ: Trung Quốc Model: SY-1,5 Theo TCVN, ASTM. Tốc độ kéo tiêu chuẩn: 50,8mm/phút. Khả năng kéo max: 1500 mm Động cơ điện 220V/50Hz. Kèm: 03 khuôn tiêu chuẩn số 8 và 01 đế khuôn đúc mẫu.	Trung Quốc	
81	Cốc thủy tinh 1000ml, thấp, mở, TQ	Trung Quốc	
82	MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ ĐẤT model 4105A Kyoritsu-Nhật. Máy đo điện trở đất, loại điện tử. Chống bụi và nước rơi (IP54). Dễ thuận tiện đo chính xác, máy cung cấp theo các que thử để đo đơn giản hai dây. Khả năng đo điện thế đất. Hệ thống báo động tự động khi điện trở của cọc đất phụ vượt ngưỡng. Thang điện trở đất: 0-20 Ω , 0-200 Ω , 0-2000 Ω Thang điện thế đất: 0-2000V AC (50-60Hz) Chính xác điện trở đất: $\pm 2\%$ số đọc $\pm 0.1\Omega$ $\pm 2\%$ số đọc ± 3 số Chính xác điện thế đất $\pm 1\%$ số đọc ± 4 số Tiêu chuẩn an toàn: IEC6010-1 CAT, II 300V IEC61557-1 Nguồn nuôi: R6P (AA), 1.5V x 6 Kích thước: L105 x W158 x D70mm Khối lượng: 550g	Nhật bản	Số/N-0:APB.26.006-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027

	Phụ kiện: bộ que thử (7095) (đỏ: 20m, vàng: 10m, xanh: 5m), bộ que đất phụ (8032), bộ que đo đơn giản (7127), 6 x pin AA, dây đeo vai và hướng dẫn sử dụng		
83	SÚNG BẮN BÊ TÔNG Model: C380 Xuất xứ: Matest – Italy. Phù hợp tiêu chuẩn EN 12504: Part 2 / ASTM C805 / UNI 9189 / DIN 1048 / BS 1881:202 / NF P18-417 / UNE 83307 Thích hợp cho kết cấu bê tông có cường độ 10 ~ 70N/mm ² . Năng lượng va đập của lò xo 2.207J. Đơn vị đo N/mm ² (MPa). Kích thước bao bì: 330 x 100 x 100 mm Khối lượng: khoảng 2 kg Cung cấp với túi đựng bằng vải, đá mài và hướng dẫn sử dụng.	Italy	Số/N-0:APB.26.007-Ngày 10/03/2026-Đơn vị: Trung tâm kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Nam-Thời hạn: 10/03/2027
84	MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG Hãng sản xuất: Matest Xuất xứ: Ý Model: C369 Máy siêu âm bê tông, loại cầm tay nhỏ. Cường độ của bê tông. Máy sử dụng 4 pin loại 1,5V. Báo hiệu pin yếu Khoảng đo: 0.....1999,9 μ giây Độ chính xác: 0,1 μ giây Biên độ xung: 800V ttinhr. Kích thước 170x90x50mm Nặng: 900g Cung cấp gồm: - Máy chính - 02 đầu dò 55kHz - 02 cáp nối 3,5m - 01 thanh chuẩn máy - 01 hộp mỡ tiếp xúc - 04 pin 01 hộp đựng	Italy	
85	Bộ xuyên SPT	Việt Nam	
86	Bộ thí nghiệm đổ nước hiện trường	Việt Nam	
87	Hộp nhôm	Việt Nam	
88	Khay tôn 30x40; 50x50cm	Việt Nam	
89	Búa, đục, chổi	Việt Nam	
90	Khay thí nghiệm hàm lượng nhựa hiện trường 25,40cm	Việt Nam	
91	Thùng ngâm, bảo dưỡng mẫu	Việt Nam	
92	Máy in	Nhật Bản	
93	Máy tính	Nhật Bản	
94	Bàn làm việc	Việt Nam	
95	Máy photo	Nhật Bản	

Công ty CP tư vấn xây dựng Hoàng Sơn Ban Mê cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin gửi đăng tải; cam kết hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật./.



Bảng số 03

STT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm	Chức vụ/Nhiệm vụ được giao
1	Phạm Minh Thảo	25/03/1980	Kỹ sư Cầu đường 1. Số: 0821-2012. + Ngày cấp: 22/12/2012. + Nơi cấp: Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị. + Lĩnh vực: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. 2. Số: 45QĐ/2014/STIC/TNXD. + Ngày cấp: 27/12/2014. + Nơi cấp: Trung tâm KHCN & tư vấn đầu tư trường đại học Bách khoa Đà Nẵng. + Lĩnh vực: Đề án tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng (Đào tạo phép thử về cốt liệu & bê tông; vật liệu công trình giao thông; đất trong phòng và hiện trường). 3. Số: 433/2001/VKH. + Ngày cấp: 10/12/2002. + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất. 4. Số: 3633/2008/VKH-TNXD. + Ngày cấp: 16/07/2008. + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng 5. Số: 2024/GT3-024/VKHCN + Ngày cấp: 02/10/2024 + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng. + Lĩnh vực: Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông 6. Số: 0089/KPH2026-ĐHXDHN + Ngày cấp: 19/05/2026 + Nơi cấp: Trường đại học xây dựng Hà Nội. + Lĩnh vực: Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Giám đốc Trưởng phòng Thí nghiệm Thí nghiệm viên
2	Đặng Xuân Thắng	06/08/1965	Ks Xây dựng dân dụng và công nghiệp 1. Số: 0717-2012 . + Ngày cấp: 22/12/2012. + Nơi cấp: Học viện cán bộ quản lý xây dựng & đô thị. + Lĩnh vực: Kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. 2. Số: 2934. + Ngày cấp: 03/06/2003. + Nơi cấp: Trường cao đẳng giao thông vận tải III. + Lĩnh vực: Thí nghiệm, kiểm tra chất lượng đường ô tô.	Phó phòng thí nghiệm Thí nghiệm viên
3	Võ Văn Hạnh	08/04/1963	CN Luật kinh doanh 1. Số: QĐ 02/2015/TNV. + Ngày cấp: 18/01/2016. + Nơi cấp: Viện Nghiên Cứu Đào Tạo và Bồi Dưỡng Cán Bộ Hà Nội. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu bê tông trong phòng và hiện trường.	Thí nghiệm viên



4	Võ Thị Tuyết Nga	02/02/1984	CN Kinh tế - Số: QĐ 02/2015/TNV. + Ngày cấp: 18/01/2015. + Nơi cấp: Viện Nghiên Cứu Đào Tạo và Bồi Dưỡng Cán Bộ Hà Nội. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm - Số: 2024/GT3-023/VKHCN + Ngày cấp: 02/10/2024 + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ về đầu tư và xây dựng. + Lĩnh vực: Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông - Số: 0059/KPH2026-ĐHXDHN + Ngày cấp: 19/05/2026 + Nơi cấp: Trường đại học xây dựng Hà Nội. + Lĩnh vực: Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy	Thí nghiệm viên
5	Võ Duy Luân	05/01/1988	Ks thủy lợi 1. Số: QĐ 02/04/2018/TNVN. + Ngày cấp: 10/04/2018. + Nơi cấp: Viện Nghiên Cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới. + Lĩnh vực: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra hệ thống chống sét.	Thí nghiệm viên
6	Nguyễn Thanh Tuấn	02/12/1969	Ks xây dựng dân dụng & công nghiệp 1. Số: 5119/2009/VKH-THXD. + Ngày cấp: 12/05/2009. + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng. + Lĩnh vực: Quản lý Phòng Thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng. - Số: 067/2002/VKH-TNXD. + Ngày cấp: 20/04/2002. + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu Xây dựng.	Thí nghiệm viên
7	Lê Khắc Duyên	29/06/1965	Ks địa chất công trình 1. Số: 134/2004/VKH. + Ngày cấp: 10/04/2004. + Nơi cấp: Viện khoa học công nghệ xây dựng. + Lĩnh vực: Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất trong phòng và hiện trường. - Số: 6139/2004/CNTN. + Ngày cấp: 16/11/1995. + Nơi cấp: Xí nghiệp khảo sát thiết kế Kon Tum. + Lĩnh vực: Quản lý chất lượng công trình giao thông.	Thí nghiệm viên

Công ty CP tư vấn xây dựng Hoàng Sơn Ban Mê cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin gửi đăng tải; cam kết hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật./.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phạm Minh Thảo